

**VIB – MUA**

**THÔNG TIN CỔ PHIẾU**  
(ngày 01/04/2019)

Sàn giao dịch	UPCOM
Thị giá (đồng)	19.200
KLGD TB 10 ngày	395.978
Vốn hoá (tỷ đồng)	14.429
Số lượng CPLH	751.541.575

**CHUYÊN VIÊN PHÂN TÍCH**

Ngô Phương Anh  
[npnh@vcbs.com.vn](mailto:npnh@vcbs.com.vn)

Hệ thống báo cáo phân tích của VCBS

[www.vcbs.com.vn/vn/Services/AnalysisResearch](http://www.vcbs.com.vn/vn/Services/AnalysisResearch)

**VCBS Bloomberg Page:**

<VCBS><go>

**ĐIỂM NHẤN ĐẦU TƯ**

**Kết quả kinh doanh:** Lợi nhuận trước thuế cả năm 2018 của ngân hàng VIB ghi nhận 2.743 tỷ đồng (+ 95% yoy, vượt 37% kế hoạch cả năm). Dư nợ tín dụng đạt 101 nghìn tỷ đồng (+ 16,78% yoy), huy động tiền gửi và giấy tờ có giá đạt 95 nghìn tỷ đồng (+ 22,72% yoy). Cuối năm 2018, VIB trở thành ngân hàng TMCP tư nhân đầu tiên được Ngân hàng Nhà nước chấp thuận triển khai Basel II theo Thông tư 41/2016.

**Triển vọng:** Chúng tôi dự phóng Lợi nhuận trước thuế năm 2019 của VIB ở mức 3.110 tỷ đồng (+ 13,4% yoy).

Động lực tăng trưởng chính bao gồm: (i) VIB tiếp tục đặt trọng tâm kinh doanh vào phân khúc khách hàng bán lẻ; (ii) Thu từ hoạt động ngoài lãi, bacassurance và giảm tỷ lệ CIR; (iii) Cải thiện chất lượng tài sản; (iv) Gia tăng số lượng chi nhánh và nâng cấp ngân hàng số; và (v) Kế hoạch tăng vốn điều lệ.

**Khuyến nghị:** Với mức giá thị trường 19.200 đồng, VIB đang giao dịch với P/B forward 2019 là 1,13 lần. **Chúng tôi khuyến nghị MUA đối với cổ phiếu VIB với mức giá mục tiêu 24.489 đồng/cổ phiếu, định giá trên chưa bao gồm kế hoạch chia cổ tức và phát hành riêng lẻ của ngân hàng.**

Đơn vị: Tỷ đồng	2015	2016	2017	2018	2019F
Cho vay khách hàng	47.777	60.180	79.864	96.139	111.521
Huy động tiền gửi và GTCG	53.304	61.261	77.423	95.015	112.169
Thu nhập lãi thuần	2.344	2.626	3.456	4.825	5.723
Tổng thu nhập hoạt động	2.929	3.401	4.092	6.086	7.153
Chi phí hoạt động	1.765	2.093	2.325	2.690	3.018
Dự phòng rủi ro	509	606	361	653	1.025
Lợi nhuận trước thuế	655	702	1.405	2.743	3.110
Lợi nhuận sau thuế	521	562	1.125	2.194	2.488
Tỷ lệ nợ xấu	2,07%	2,58%	2,49%	2,52%	2,40%
CIR	60,3%	61,5%	56,8%	44,2%	42,20%
NIM	2,99%	2,86%	3,12%	3,79%	3,86%
ROE	6,3%	6,6%	12,8%	22,6%	21,60%
ROA	0,63%	0,61%	0,99%	1,67%	1,64%
CAR (TT 36/2014)	18,04%	13,25%	13,07%	12,88%	NA
CAR (Basell II)	NA	NA	NA	10,2%	NA
LLR	76,1%	65,5%	47,6%	36,2%	38,25%
CASA	20,2%	18,6%	16,3%	14,3%	NA

Nguồn: VIB, VCBS tổng hợp

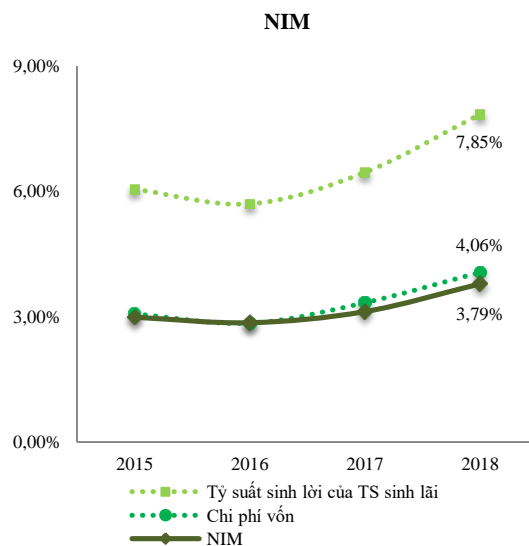
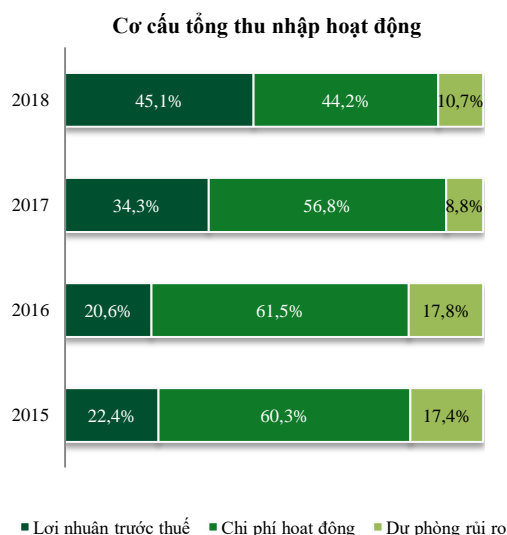
## CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH NĂM 2018 (BCTC ĐÃ KIỂM TOÁN)

**Lợi nhuận của VIB tiếp tục duy trì tốc độ tăng trưởng nhanh.**

**Lợi nhuận trước thuế cả năm 2018 của ngân hàng VIB ghi nhận 2.743 tỷ đồng (+ 95% yoy, vượt 37% kế hoạch cả năm).** Trong đó, đóng góp chính đến từ tăng trưởng thu nhập từ lãi và thu nhập ngoài lãi.

**Dư nợ tín dụng đạt 101 nghìn tỷ đồng, tăng trưởng 16,78% yoy,** cao hơn trung bình ngành ngân hàng. Trong đó, cho vay khách hàng đạt 96 nghìn tỷ đồng (+ 20,38% yoy). Xét theo đối tượng cho vay, 74% trên tổng cho vay khách hàng là các khoản vay cá nhân (cuối năm 2017 tỷ trọng cho vay cá nhân chiếm 64%), còn lại 26% là các khoản cho vay doanh nghiệp. Xét đến cơ cấu cho vay theo kỳ hạn, tỷ trọng các khoản cho vay dài hạn đang chiếm ưu thế 60% trên tổng cho vay khách hàng, cho vay trung hạn chiếm 25% và còn lại 15% là cho vay ngắn hạn.

**Huy động tiền gửi và giấy tờ có giá đạt 95 nghìn tỷ đồng (+ 22,72% yoy).** Trong đó, phân khúc khách hàng cá nhân tiếp tục chiếm phần lớn 61% trên tổng huy động vốn (khoảng 58 nghìn tỷ đồng, + 39% yoy). Tỷ lệ CASA giảm mạnh từ 21% xuống còn 16% trong giai đoạn từ năm 2014 đến 2017, và tiếp tục giảm xuống mức 14,3% trong năm 2018.



Nguồn: VIB, VCBS tổng hợp

**Tổng thu nhập hoạt động đạt 6.086 tỷ đồng (+ 48,7% yoy), bao gồm:**

- Thu nhập lãi thuần ghi nhận 4.825 tỷ đồng (+ 39,64% yoy và chiếm 79% trên tổng thu nhập hoạt động). NIM đạt 3,79%, chủ yếu do lãi suất cho vay bình quân của ngân hàng tăng nhanh (7,8% lên 9,2% trong năm 2018) và lãi suất bình quân đầu tư chứng khoán tăng lên mức 6,6% trong năm 2018. Chi phí vốn tăng nhanh lên mức 4,06% một phần do tỷ lệ CASA giảm.
- Lãi thuần từ hoạt động dịch vụ đạt 735 tỷ đồng (+ 80,6% yoy, chiếm 12% trên tổng thu nhập hoạt động). Trong đó, một số khoản đóng góp lớn gồm: lãi từ dịch vụ thanh toán đạt 180 tỷ đồng (+ 73% yoy), thu từ hoa hồng bảo hiểm đạt 240 tỷ đồng (tăng gấp 3 lần so với cùng kỳ năm 2017).
- Thu nhập từ các hoạt động ngoài lãi khác đạt 525 tỷ đồng (tăng gấp 2,3 lần so với cùng kỳ 2017, chiếm 9% trên tổng thu nhập hoạt động). Trong đó, thu nhập ngoài lãi khác ghi nhận

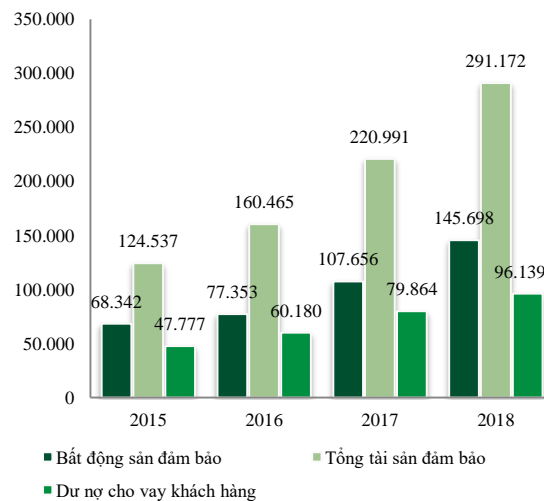
490 tỷ đồng (cao hơn nhiều so với chỉ 68 tỷ đồng trong năm 2017). Thu hồi các khoản cho vay đã xử lý bằng quỹ dự phòng rủi ro đạt 129 tỷ đồng. Thu nhập từ việc ký lại hợp đồng bảo hiểm bancassurance với Prudential là 350 tỷ đồng.

Chi phí hoạt động đạt 2.690 tỷ đồng (+ 15,6% yoy). Trong đó, chi phí cho nhân viên là 1.639 tỷ đồng (+ 23% yoy, chiếm 61% trên tổng chi phí hoạt động). Tốc độ tăng chi phí hoạt động chậm hơn nhiều so với tốc độ tăng của tổng thu nhập hoạt động giúp tỷ lệ CIR giảm nhẹ xuống còn 44%. ROE tăng mạnh lên mức 22,6% so với 12,8% vào cuối năm 2017, thể hiện hiệu quả sử dụng vốn của VIB được cải thiện đáng kể.

**Chất lượng tài sản được kiểm soát ở mức phù hợp và dần được cải thiện.**

Trong quý 3.2018, VIB đã thu hồi toàn bộ 1.464 tỷ đồng trái phiếu VAMC về nội bảng, trong đó ngân hàng đã trích lập 738 tỷ đồng dự phòng rủi ro. Đồng thời, ngân hàng đã trích lập dự phòng và xử lý phần lớn các khoản nợ này ra khỏi bảng tổng kết tài sản. Như vậy, VIB không còn áp lực trích lập cho trái phiếu VAMC vào những năm tiếp theo. Nợ xấu nội bảng ghi nhận 2.422 tỷ đồng (+ 21,9% yoy), trong đó có tới 74% là nợ nhóm 5. **Tỷ lệ nợ xấu nội bảng tại cuối năm 2018 tăng nhẹ lên 2,52% (cuối năm 2017 tỷ lệ nợ xấu là 2,49%)**. Tỷ lệ nợ quá hạn tăng mạnh lên 3,74% do nợ nhóm 2 tăng mạnh gấp 2,5 lần so với cuối năm 2017.

**Tổng TSĐ và Dự nợ CVKH (Tỷ đồng)**



**Dự phòng rủi ro trích lập trong kỳ (Tỷ đồng)**



*Nguồn: VIB, VCBS tổng hợp*

Dự phòng rủi ro đã trích lập trong kỳ tại cuối năm 2018 là 653 tỷ đồng (+ 75,9% yoy). Trong năm 2018, VIB đã sử dụng 1.714 tỷ đồng dự phòng rủi ro để xóa nợ trong kỳ (tăng gấp 2,8 lần so với cuối năm 2017). Số dư dự phòng rủi ro giảm xuống chỉ còn 878 tỷ đồng (- 7% yoy). Tỷ lệ dự phòng rủi ro bao nợ xấu (LLR) tiếp tục giảm xuống mức 36,2%.

Mặt khác, VIB ghi nhận tổng giá trị tài sản đảm bảo khá lớn, đạt 291 nghìn tỷ đồng (+ 31% yoy), cao gấp 3 lần dự nợ cho vay khách hàng của ngân hàng. Giá trị tài sản đảm bảo cao là một trong những nguyên nhân giúp VIB duy trì được các quy định về an toàn hoạt động trong khi tỷ lệ LLR thấp.

Cuối năm 2018, **VIB trở thành ngân hàng TMCP tư nhân đầu tiên được Ngân hàng Nhà nước chấp thuận triển khai Basel II theo Thông tư 41/2016**. Tính đến 31/12/2018, tỷ lệ CAR theo Basel II của ngân hàng là 10,2%, cao hơn nhiều so với mức tiêu chuẩn 8% áp dụng cho toàn ngành ngân hàng.

## TRIỂN VỌNG KINH DOANH NĂM 2019

Chỉ tiêu (Đơn vị: Tỷ đồng)	Năm 2017	Năm 2018		Năm 2019	
	Thực hiện	Thực hiện	Tăng trưởng	Kế hoạch	Tăng trưởng
Tổng tài sản	123.159	139.166	13,00%	182.908	31,43%
Dư nợ cho vay khách hàng	86.623	101.160	16,78%	136.509	34,94%
Huy động vốn	77.423	95.015	22,72%	127.198	33,87%
LNTT	1.405	2.743	95,14%	3.400	23,97%
Tỷ lệ nợ xấu	2,49%	2,52%		< 2%	

Nguồn: VIB, VCBS tổng hợp

### VIB tiếp tục đặt trọng tâm kinh doanh lên phân khúc khách hàng bán lẻ.

Kết quả kinh doanh của VIB được chúng tôi kỳ vọng còn nhiều dư địa tăng trưởng dựa trên một số yếu tố chính như sau:

- VIB tiếp tục đặt trọng tâm kinh doanh vào phân khúc khách hàng bán lẻ. Tỷ lệ LDR và tỷ lệ vốn ngắn hạn cho vay trung dài hạn trong năm 2018 lần lượt là 77% và 36%, đều trong giới hạn quy định của NHNN. Đồng thời, là một trong hai ngân hàng đầu tiên được NHNN chấp thuận triển khai Basel II theo Thông tư 41/2016, chúng tôi nhận định rằng VIB có thể sẽ được NHNN tạo điều kiện trong việc xét hạn mức tăng trưởng tín dụng trong năm 2019. Dù vậy, tỷ lệ CASA thấp là một trong những bất lợi của VIB do khó giảm chi phí vốn về dài hạn.
- Thu nhập từ hoạt động dịch vụ còn nhiều dư địa tăng trưởng, đặc biệt là hoạt động bancassurance khi ngân hàng lựa chọn phương án tái ký hợp đồng bảo hiểm trong ngắn hạn thay vì ký hợp đồng dài hạn từ 10 – 15 năm như một số ngân hàng khác. Tỷ lệ CIR của VIB còn khả năng giảm nhờ cải thiện hệ thống công nghệ thông tin của ngân hàng.
- Tỷ lệ dự phòng rủi ro bao nợ xấu được kỳ vọng cải thiện trong năm 2019, đồng thời tỷ lệ nợ xấu của ngân hàng giảm xuống khi VIB tiếp tục xử lý, trích lập cho các khoản nợ nội bảng để đảm bảo tuân thủ an toàn tài chính theo quy định của NHNN.
- VIB mong muốn nâng số lượng chi nhánh từ 10 – 20 chi nhánh mỗi năm trong vòng 5 năm, để mở rộng mạng lưới và tệp khách hàng. Mặt khác, ngân hàng tiếp tục đầu tư vào công nghệ để cải thiện hoạt động của ngân hàng số. Hiện tại có 9% trên tổng giao dịch của VIB đang được thực hiện qua ngân hàng di động “my VIB” và nhận được phản hồi tốt từ khách hàng.
- VIB tiếp tục đặt mục tiêu niêm yết trên sàn HOSE để tăng tính minh bạch trong công bố thông tin và quan hệ cổ đông (ngân hàng hiện có hơn 5.000 cổ đông, tăng so với 1.400 cổ đông vào năm 2017 khi mới niêm yết trên sàn UPCOM). Đồng thời, ngân hàng dự định chia cổ tức bằng tiền mặt 5,5% và cổ tức bằng cổ phiếu trong năm 2019. Mặt khác, VIB hiện tại có gần 32 triệu cổ phiếu quỹ, ngân hàng sẽ sử dụng 7,7 triệu cổ phiếu quỹ để thưởng cho cán bộ nhân viên, còn lại hơn 24 triệu cổ phiếu sẽ được chia cho cổ đông hiện hữu tương ứng với tỷ lệ 3,1% vốn điều lệ (chưa xác định cụ thể thời gian thực hiện phương án này).
- Kế hoạch tăng vốn điều lệ lên 10.909 tỷ đồng (+ 39,23%) trong năm 2019: (i) Chia cổ phiếu thưởng cho cổ đông hiện hữu (tối đa 141 triệu cổ phiếu, tương ứng tỷ lệ 18% vốn điều lệ), lấy từ nguồn Quỹ đầu tư phát triển, Quỹ dự phòng bổ sung VDL, Lợi nhuận lũy kế sau phân phối; (ii) Phát hành chào bán cổ phiếu mới và/ hoặc trái phiếu chuyển đổi cho các nhà đầu tư (tối đa 166,4 triệu cổ phiếu, tương ứng tỷ lệ 18% vốn điều lệ sau khi chia cổ phiếu thưởng) với giá chào bán không thấp hơn giá trị sổ sách của ngân hàng tại 31/12/2018. Thời hạn thực hiện hai phương án trên đến 31/12/2019.

## DỰ PHÓNG

### Dự phóng

Dự phóng kết quả kinh doanh năm 2019 của VIB dựa trên một số giả định chính như sau:

- (1) Tăng trưởng cho vay khách hàng đạt 16%. Tăng trưởng tiền gửi khách hàng đạt 19%.
- (2) Lợi suất sinh lời của tài sản sinh lãi năm 2019 tăng nhẹ lên mức 8,0% trong khi chi phí vốn ổn định ở mức 4,1%.
- (3) Tỷ lệ nợ xấu là 2,4% (giảm 0,1% so với năm 2018). Tỷ lệ dự phòng rủi ro bao nợ xấu đạt 38% (tăng 2% so với năm 2018).
- (4) Tỷ lệ CIR ở mức 42% (giảm 2% so với năm 2018).

Với những triển vọng và giả định nêu trên, **chúng tôi dự phóng Lợi nhuận trước thuế năm 2019 của VIB ở mức 3.110 tỷ đồng (+ 13,4% yoy)**. Trong đó, lợi nhuận trước thuế được đóng góp chính bởi thu nhập từ lãi và thu nhập ngoài lãi. Chi tiết dự phóng như bảng dưới đây:

Đơn vị: Tỷ đồng	Thực hiện 2018	Dự phóng 2019	Tăng trưởng
Thu nhập lãi thuần	4.825	<b>5.723</b>	18,6%
Tổng thu nhập hoạt động	6.086	<b>7.153</b>	17,5%
Dự phòng rủi ro	(653)	<b>(1.025)</b>	56,8%
LNTT	2.743	<b>3.110</b>	13,4%
NIM	3,79%	<b>3,93%</b>	
ROE	22,55%	<b>21,60%</b>	

*Nguồn: VCBS ước tính*

## KHUYẾN NGHỊ

### MUA

VIB là một trong số những ngân hàng TMCP có tốc độ tăng trưởng nhanh, hoạt động kinh doanh cốt lõi tập trung tại phân khúc bán lẻ. Ngân hàng đã thu hồi toàn bộ trái phiếu VAMC và chất lượng tài sản đang dần được cải thiện.

Với dự phóng nêu trên và mức giá thị trường 19.200 đồng, VIB đang giao dịch với P/B forward 2019 là 1,13 lần. **Chúng tôi khuyến nghị MUA đối với cổ phiếu VIB với mức giá mục tiêu 24.489 đồng/cổ phiếu, định giá trên chưa bao gồm kế hoạch chia cổ tức và phát hành riêng lẻ của ngân hàng.**

**PHỤ LỤC**
**Báo cáo Kết Quả Hoạt Động Kinh Doanh**

<b>Tại ngày 31/12</b>					
<b>Đơn vị tỷ đồng</b>	<b>2015</b>	<b>2016</b>	<b>2017</b>	<b>2018</b>	<b>2019F</b>
Thu nhập lãi	4.794	5.292	7.208	10.086	11.965
Chi phí lãi	-2.450	-2.666	-3.753	-5.260	-6.242
<b>Thu nhập lãi thuần</b>	<b>2.344</b>	<b>2.626</b>	<b>3.456</b>	<b>4.825</b>	<b>5.723</b>
Thu nhập ngoài lãi / (chi phí)	585	775	637	1.260	1.430
<b>Tổng thu nhập hoạt động</b>	<b>2.929</b>	<b>3.401</b>	<b>4.092</b>	<b>6.086</b>	<b>7.153</b>
Chi phí hoạt động	-1.765	-2.093	-2.325	-2.690	-3.018
Lợi nhuận thuần từ hoạt động KD trước dự phòng RRTD	1.164	1.308	1.767	3.396	4.135
Chi phí dự phòng rủi ro tín dụng	-509	-606	-361	-653	-1.025
<b>Tổng lợi nhuận trước thuế</b>	<b>655</b>	<b>702</b>	<b>1.405</b>	<b>2.743</b>	<b>3.110</b>
Chi phí thuế TNDN	-134	-140	-281	-549	-622
<b>LỢI NHUẬN SAU THUẾ</b>	<b>521</b>	<b>562</b>	<b>1.125</b>	<b>2.194</b>	<b>2.488</b>
Lợi ích của cổ đông thiểu số	0	0	0	0	0

**Bảng Cân Đối Kế Toán**

<b>Tại ngày 31/12</b>					
<b>Đơn vị tỷ đồng</b>	<b>2015</b>	<b>2016</b>	<b>2017</b>	<b>2018</b>	<b>2019F</b>
Cho vay khách hàng	47.777	60.180	79.864	96.139	111.521
Cho vay khách hàng sau dự phòng RR	47.025	59.164	78.919	95.261	110.497
Tiền gửi tại NHNN	6.892	4.015	3.588	2.474	2.477
Tiền gửi và cho vay các TCTD khác	762	9.152	10.275	8.416	9.678
Tiền mặt, vàng, đá quý	849	856	1.016	1.098	1.303
Chứng khoán thanh khoản	26.452	28.698	25.610	28.578	37.089
Tài sản có khác	2.330	2.631	3.751	3.340	3.763
<b>Tổng tài sản</b>	<b>84.309</b>	<b>104.517</b>	<b>123.159</b>	<b>139.166</b>	<b>164.807</b>
Tiền gửi khách hàng	53.304	59.261	68.378	84.863	101.118
Tiền gửi không kỳ hạn của các TCTD khác và KBNN	6.627	9.408	10.247	11.194	13.863
Các khoản vay NHNN và tiền gửi kỳ hạn của các TCTD khác	14.545	23.854	24.449	19.039	22.789
Công cụ tài chính phái sinh và các khoản nợ tài chính khác	73	2.057	9.166	10.193	11.051
Các khoản nợ khác	1.149	1.194	2.133	3.211	3.613
<b>Tổng nợ phải trả</b>	<b>75.698</b>	<b>95.774</b>	<b>114.372</b>	<b>128.499</b>	<b>152.435</b>
Vốn điều lệ	4.845	5.644	5.644	7.835	7.835
Thặng dư vốn cổ phần	1.958	1.159	1.159	721	721
Cổ phiếu quỹ	0	0	-763	-719	-719
Vốn khác	0	0	0	0	0
Quỹ của TCTD	1.186	1.257	2.028	1.709	2.137
Chênh lệch tỷ giá và chênh lệch đánh giá lại tài sản	0	0	0	0	0
Lợi nhuận chưa phân phối	66	683	720	1.123	2.399
<b>Tổng vốn chủ sở hữu</b>	<b>8.054</b>	<b>8.743</b>	<b>8.788</b>	<b>10.668</b>	<b>12.372</b>
Lợi ích của cổ đông thiểu số	0	0	0	0	0
<b>Tổng nợ phải trả và vốn chủ sở hữu</b>	<b>83.752</b>	<b>104.517</b>	<b>123.159</b>	<b>139.166</b>	<b>164.807</b>

## ĐIỀU KHOẢN SỬ DỤNG

Báo cáo này và/hoặc bất kỳ nhận định, thông tin nào trong báo cáo này không phải là các lời chào mua hay bán bất kỳ một sản phẩm tài chính, chứng khoán nào được phân tích trong báo cáo và cũng không là sản phẩm tư vấn đầu tư hay ý kiến tư vấn đầu tư nào của VCBS hay các đơn vị/thành viên liên quan đến VCBS. Do đó, nhà đầu tư chỉ nên coi báo cáo này là một nguồn tham khảo. VCBS không chịu bất kỳ trách nhiệm nào trước những kết quả ngoài ý muốn khi quý khách sử dụng các thông tin trên để kinh doanh chứng khoán.

Tất cả những thông tin nêu trong báo cáo phân tích đều đã được thu thập, đánh giá với mức cẩn trọng tối đa có thể. Tuy nhiên, do các nguyên nhân chủ quan và khách quan từ các nguồn thông tin công bố, VCBS không đảm bảo về tính xác thực của các thông tin được đề cập trong báo cáo phân tích cũng như không có nghĩa vụ phải cập nhật những thông tin trong báo cáo sau thời điểm báo cáo này được phát hành.

Báo cáo này thuộc bản quyền của VCBS. Mọi hành động sao chép một phần hoặc toàn bộ nội dung báo cáo và/hoặc xuất bản mà không có sự cho phép bằng văn bản của VCBS đều bị nghiêm cấm.

## THÔNG TIN LIÊN HỆ

**Trần Minh Hoàng**

Trưởng phòng Phân tích & Nghiên cứu  
tmhoang@vcbs.com.vn

**Mạc Đình Tuấn**

Trưởng nhóm PT ngành và doanh nghiệp  
mduan@vcbs.com.vn

**Ngô Phương Anh**

Chuyên viên Phân tích  
npanh@vcbs.com.vn

## CÔNG TY CHỨNG KHOÁN VIETCOMBANK

<http://www.vcbs.com.vn>

<b>Trụ sở chính Hà Nội</b>	Tầng 12 & 17, Tòa nhà Vietcombank, số 198 Trần Quang Khải, Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội ĐT: (84-24) 39366990- Số máy lẻ: 140/143/144/149/150/151
<b>Chi nhánh Hồ Chí Minh</b>	Lầu 1 & 7, Tòa nhà Green Star, số 70 Phạm Ngọc Thạch, Phường 6, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh ĐT: (84-28)-3820 8116- Số máy lẻ: 104/106
<b>Chi nhánh Đà Nẵng</b>	Tầng 12, số 135 Nguyễn Văn Linh, Phường Vĩnh Trung, Quận Thanh Khê, Đà Nẵng ĐT: (+84-236) 3888 991- Số máy lẻ: 801/802
<b>Phòng Giao dịch Nam Sài Gòn</b>	Tầng 3, Tòa nhà V6, Plot V, Khu đô thị mới Him Lam, Số 23 Nguyễn Hữu Thọ, Phường Tân Hưng, Q7, TP Hồ Chí Minh ĐT: (84-28)-54136573
<b>Phòng Giao dịch Giảng Võ</b>	Tầng 1, Tòa nhà C4 Giảng Võ, Phường Giảng Võ, Quận Ba Đình, Hà Nội. ĐT: (+84-24) 3726 5557
<b>Phòng Giao dịch Tây Hồ</b>	Tầng 1 và tầng 3, số 565 Đường Lạc Long Quân, Phường Xuân La, Quận Tây Hồ, Thành phố Hà Nội ĐT: (+84-24) 2191048 (ext: 100)
<b>Phòng Giao dịch Hoàng Mai</b>	Tầng 1, tòa nhà Hàn Việt, số 203 Minh Khai, phường Minh Khai, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội ĐT: (+84-24) 3220 2345
<b>Văn phòng Đại diện Cần Thơ</b>	Tầng 1, Tòa nhà Vietcombank Cần Thơ, số 7 Hòa Bình, Quận Ninh Kiều, Cần Thơ ĐT: (+84-292) 3750 888
<b>Văn phòng Đại diện An Giang</b>	Tầng 7, Tòa nhà Vietcombank An Giang, 30 – 32 Đường Hai Bà Trưng, Phường Mỹ Long, TP. Long Xuyên, T. An Giang ĐT: (+84-296) 3949 843
<b>Văn phòng Đại diện Đồng Nai</b>	F240-F241 Đường Võ Thị Sáu, Khu phố 7, Phường Thống Nhất, TP. Biên Hoà, Đồng Nai ĐT: (+84-251) 3918 815
<b>Văn phòng đại diện Vũng Tàu</b>	Tầng trệt, số 27 Đường Lê Lợi, TP. Vũng Tàu, Bà Rịa - Vũng Tàu ĐT: (+84-254) 351 3978/75/76/77/74
<b>Văn phòng đại diện Hải Phòng</b>	Tầng 2, số 11 Hoàng Diệu, Phường Minh Khai, Quận Hồng Bàng, Hải Phòng ĐT: (+84-225) 382 1630
<b>Văn phòng đại diện Bình Dương</b>	Tầng 3, Số 516 Cách Mạng Tháng Tám, Phường Phú Cường, Thành phố Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương ĐT: (+84-274) 3855 771